TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2023
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiểu

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTL, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh HVT, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Phong Thạnh Tây A, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị TTL trình bày: Vào năm 2006, được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ chức

đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh T nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và anh T có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PTT B, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh T là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Anh T thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh HVT.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh T có 02 người con chung tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009. Hiện tại cả hai cháu H và T đang sống cùng với chị nên nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh HVT: Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh HVT theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị TTL là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh HVT chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 08 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai nữa. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh T nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề

nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị L và anh T sống ly thân cho đến nay thì chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu H và T. Anh T không tranh chấp quyền nuôi con với chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị L và anh T không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh HVT, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị TTL có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

Anh HVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PTT B, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh T lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện tại chị L và anh T cũng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 08 năm nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện ý chí anh chị mong muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc

sống vợ chồng của chị L và anh T là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009. Nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 cháu H và T, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc chị L và anh T sống ly thân với nhau đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu H và T, trong khoảng thời gian này chị L vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển ổn định về tinh thần cũng như vật chất cho con, điều này thể hiện chị đã chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục con rất chu đáo. Mặt khác, qua tiếp xúc với cháu 02 cháu H và T thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng mong muốn được sống cùng với chị L khi chị L và anh T ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của các con và làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chưa thành niên nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cả 02 người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị TTL không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh HVT.

Anh HVT có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh T chứng minh được việc chị L nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TTL và anh HVT không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTL đối với anh HVT. Xử cho chị TTL được ly hôn với anh HVT.

2/. Về con chung: Giao 02 người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu H và T đang sống cùng với chị L nên được giữ nguyên.

Chị TTL không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh HVT.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012674 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Danh Văn An

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2023

(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiểu

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTL, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh HVT, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Phong Thạnh Tây A, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị TTL trình bày: Vào năm 2006, được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh T nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và anh T có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PTT B, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh T là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Anh T thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh HVT.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh T có 02 người con chung tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009. Hiện tại cả hai cháu H và T đang sống cùng với chị nên nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh HVT: Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh HVT theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị TTL là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh HVT chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 08 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai nữa. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh T nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị L và anh T sống ly thân cho đến nay thì chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu H và T. Anh T không tranh chấp quyền nuôi con với chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai người con tên HNH,

sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị L và anh T không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh HVT, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị TTL có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

Anh HVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PTT B, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh T lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện tại chị L và anh T cũng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 08 năm nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện ý chí anh chị mong muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009. Nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 cháu H và T, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc chị L và anh T sống ly thân với nhau đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu H và T, trong khoảng thời gian này chị L vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển ổn định về tinh thần cũng như vật chất cho con, điều này thể hiện chị đã chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục con rất chu đáo. Mặt khác, qua tiếp xúc với cháu 02 cháu H và T thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng mong muốn được sống cùng với chị L khi chị L và anh T ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của các con và làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chưa thành niên nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cả 02 người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị TTL không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh HVT.

Anh HVT có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh T chứng minh được việc chị L nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TTL và anh HVT không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTL đối với anh HVT. Xử cho chị TTL được ly hôn với anh HVT.

2/. Về con chung: Giao 02 người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu H và T đang sống cùng với chị L nên được giữ nguyên.

Chị TTL không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh HVT.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012674 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa** **Hội thẩm nhân dân**

Võ Tuyết Kha **Danh Văn An** **Đặng Văn Chiểu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PL, ngày 30 tháng 8 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc…….giờ…….phút ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Văn An**

- Cùng các vị Hội thẩm:

1/. Ông **Đặng Văn Chiểu**

2/. Bà **Võ Tuyết Kha**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTL, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh HVT, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9C, xã PTT B, huyện PL, tỉnh BL.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Phong Thạnh Tây A, huyện PL, tỉnh BL.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTL đối với anh HVT. Xử cho chị TTL được ly hôn với anh HVT.

2/. Về con chung: Giao 02 người con tên HNH, sinh ngày 06/11/2007 và H Phước T, sinh ngày 04/6/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu H và T đang sống cùng với chị L nên được giữ nguyên.

Chị TTL không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh HVT.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012674 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc……giờ…..phút, ngày 30 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Văn Chiểu **Võ Tuyết Kha** **Danh Văn An**